

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN NĂM 2021
*(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08 tháng 6 năm 2020.
- Vốn điều lệ: 383.981.790.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba tỷ chín trăm tám mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 426.029.555.146 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi sáu tỷ không trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi năm nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).
- Trụ sở chính: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: (0257) 3823 557
- Fax: (0257) 3828 388
- Website: capthoatnuocpy.com.vn
- Mã chứng khoán: PWS

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

+ *Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:*

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày.

+ *Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:*

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).

+ *Giai đoạn 12/2005 đến nay:*

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị);

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

- Nhà máy nước Tuy Hòa - thành phố Tuy Hòa; huyện Tuy An: Một phần xã An Chân; huyện Phú Hòa: Xã Hòa An (bao gồm điểm tiêu thụ Công nghiệp Hòa An), thị xã Đông Hòa: Các phường Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, một phần xã Hòa Tân Đông; Hòa Xuân Tây và xã Hòa Thành;

- Nhà máy nước Sông Cầu – thị xã Sông Cầu và các vùng lân cận;

- Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu – xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải và Khu Công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu thuộc thị xã Sông Cầu;

- Nhà máy nước Tuy An – huyện Tuy An;
- Nhà máy nước Đồng Xuân – huyện Đồng Xuân;
- Nhà máy nước Hai Riêng – huyện Sông Hinh;
- Nhà máy nước Củng Sơn – huyện Sơn Hòa;
- Nhà máy nước Phú Hòa – huyện Phú Hòa;
- Nhà máy nước Vũng Rô – xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản

lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc:
- + Tổng Giám đốc;
- + Phó Tổng Giám đốc Thường trực;
- + Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh;
- + Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất.
- Các phòng chức năng, chi nhánh gồm:
- + Phòng Hành chính – Tổng hợp;
- + Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật;
- + Phòng Tài chính – Kế toán;
- + Phòng Pháp chế.
- + Phòng Quản lý đầu tư – Xây dựng cơ bản;
- + Chi nhánh Dịch vụ – Xây lắp;
- + Chi nhánh Cấp nước số 1;

- + Chi nhánh Cấp nước số 2;
- + Chi nhánh Cấp nước số 3.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày;
- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;
- Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;
- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;
- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;
- Dịch vụ vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng kinh tế;
- Việc làm của người lao động ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (giai đoạn 2021-2025):

Phấn đấu đến hết năm 2025:

- Công suất thiết kế toàn Công ty đạt từ 90.000 m³/ng.đ – 110.000 m³/ng.đ (chưa bao gồm hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên), đảm bảo năng lực sản xuất nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Phú Yên đã được phê duyệt.
- Dân số đô thị được sử dụng nước sạch khoảng 500.000 người, tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ng.đ. Dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đạt khoảng 200.000 người, tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 90 lít/người/ng.đ.
- Chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn theo quy định.
- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày; áp lực nước trên toàn mạng đạt quy chuẩn quy định, áp lực tại điểm bất lợi nhất đạt 12m cột nước .
- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty, đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp thoát nước đô thị và nghiên cứu xem xét mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp, tăng số lượng sản phẩm phục vụ xã hội.
- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ.
- Đảm bảo vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng với UBND thành phố Tuy Hòa.
- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững.
- Đời sống của người lao động ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người ở mức trên trung bình so với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên đảm bảo phù hợp với tiến độ hình thành và phát triển của Khu Kinh tế.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước dưới đất sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 90% sản lượng khai thác nguồn nước mặt; chuyển dần sang sử dụng nguồn năng lượng thiên nhiên (năng lượng mặt trời); chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.

- Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước.

- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5. Rủi ro:

- Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, hạn hán diễn ra trên diện rộng và kéo dài gây ra thiếu nguồn nước thô phục vụ sản xuất làm giảm sản lượng cung cấp cho khách hàng (NMN Sông Cầu, NMN Tuy An; Sơn Hòa); biên độ mặn ngày càng thâm nhập sâu, độ mặn nguồn nước có thời điểm vượt tiêu chuẩn cho phép dẫn đến một số công trình thu phải dừng khai thác (công trình thu thuộc nhà máy nước Tuy Hòa tại xã Hòa An, bãi giếng khai thác thuộc NMN Sông Cầu tại thôn Bình Nông, xã Xuân Lâm). Quản lý nguồn nước (đặc biệt là nguồn nước mặt) tại một số địa phương còn chưa chặt chẽ, nhất là công tác quản lý các hộ kinh doanh nhỏ lẻ xả thải chưa qua hệ thống xử lý có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

- Dân cư phân bố không đồng đều nên những khu vực xa trung tâm, nằm ngoài thành phố hoặc các thị trấn có mật độ dân cư thưa dẫn đến hiệu suất đầu tư thấp, thường xuyên bù lỗ. Một số khu vực đã đầu tư mạng lưới cấp nước nhưng do người dân có thói quen và ưu tiên sử dụng nước giếng khoan, giếng đào nên rất hạn chế sử dụng nguồn nước Công ty cung cấp dẫn đến hiệu quả đầu tư tại một số khu vực không cao.

- Một số tuyến ống được đầu tư trên 15 năm thường xuyên rò rỉ làm tăng chi phí sửa chữa và thất thoát lớn.

- Công tác chỉnh trang đô thị, công tác mở rộng nâng cấp các tuyến đường đô thị thực hiện chưa đồng bộ, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các chủ đầu tư và các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật trong đó có hạ tầng cấp nước dẫn đến một số tuyến ống bị bề trong quá trình thi công hoặc bị lấp sâu do nâng cao độ nền đường, nền vỉa hè gây khó khăn trong việc kiểm soát thất thoát rò rỉ và đấu nối khách hàng. Hàng năm Công ty phải tự bỏ kinh phí tương đối lớn để thực hiện di dời các tuyến

ông do mở rộng các tuyến đường giao thông; Tình trạng khách hàng tự ý đầu nối sử dụng nước chưa qua đồng còn diễn ra.

- Dân cư phân bố không đồng đều, mật độ dân số thấp và tập quán sử dụng nguồn nước tự nhiên để sinh hoạt dẫn đến suất đầu tư cho cấp nước tăng cao, hiệu suất đầu tư thấp, thường xuyên bù lỗ.

- Việc khoan khai thác nước ngầm trái phép để sản xuất, sinh hoạt còn rất phổ biến trên địa bàn toàn tỉnh làm giảm nhu cầu dùng nước sạch và giảm hiệu quả đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn.

II. Tình hình hoạt động năm 2021:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	So với kế hoạch (%)
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	13.990.000	13.970.627	99,9
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	11.430.000	11.372.363	99,5
3	Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu	%	18,3	18,6	0,3
4	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đồng	116.700	116.015	99,4
	<i>Trong đó:</i>				
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	103.000	101.349	98,4
	- Hoạt động kinh doanh khác	Tr.đồng	3.500	4.050	115,7
	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	10.000	9.901	99,0
	-Thu nhập khác	Tr.đồng	200	715	357,3
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	20.000	20.639	103,2
6	Nộp ngân sách (miễn thuế TNDN)	Tr.đồng	11.000	11.372	103,4
7	Tỷ lệ cổ tức	%	4,0	4,5	112,5

* **Ghi chú:** Tỷ lệ trả cổ tức năm 2021 bằng 4,5% là số dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 quyết định.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Đỗ Hoàng Long	Tổng Giám đốc	15/2/1975	106 Mạc Đĩnh Chi, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	11/05/2020	Đại diện phần vốn C.ty Aqua One: 29,79%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
2	Nguyễn Phú Liệu	Phó Tổng Giám đốc	08/9/1966	Tổ 13, khu phố Trần Phú, P8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng-CN Cấp thoát nước	11/05/2020	Đại diện phần vốn Nhà nước: 10%; Cá nhân: 0,0130%
3	Nguyễn Tấn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	28/5/1967	123 Hùng Vương, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	11/05/2020	ĐD phần vốn NN: 28,39% Cá nhân: 0,1291%
4	Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	03/7/1970	17A/9 Nguyễn Tất Thành, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Đô thị - Cấp thoát nước	13/07/2021	0,001%
5	Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	19/8/1976	KP 4, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp	01/01/2021	0,006%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Bổ nhiệm ông Nguyễn Khắc Toàn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 13/7/2021.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ, người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2021 là: 229 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	229	
1. Phân loại theo trình độ lao động	229	100
- Trình độ trên Đại học	04	1,7
- Trình độ Đại học	85	37,1
- Trình độ Cao đẳng	19	8,3
- Trình độ Trung cấp	41	17,9
- Chứng chỉ nghề	73	31,9
- Lao động phổ thông	07	3,1
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	229	100
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	163	71
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	66	29
- Hợp đồng lao động thời vụ, thử việc		

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
3. Phân theo giới tính	229	100
- Nam	172	75
- Nữ	57	25

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, tiền ăn ca, đồng phục, bảo hộ lao động, tham quan, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Về thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án: Tuyến ống cấp nước phía Bắc thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m³/ngày đêm lên 8.000 m³/ngày đêm; Phát triển tuyến ống cấp nước khu dân cư thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An; Di dời tuyến ống truyền tải nước sạch và tuyến ống cấp nước qua cầu Trần Hưng Đạo trên Quốc lộ 25; Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước cho khu dân cư thôn Phú Lương, Phú Đa xã Hòa Tân Đông và Khu phố 2 phường Hòa Vinh thuộc huyện Đông Hòa; Phát triển tuyến ống cấp nước KDC thôn Phú Mỹ, thôn Bình Hòa, xã An Dân, huyện Tuy An; Cải tạo và phân vùng mạng lưới cấp nước nhà máy nước Hai Riêng, huyện Sông Hinh; Thay thế tuyến ống chuyên tải nước sạch DN250 từ trạm bơm cấp II đến ngã ba Nguyễn Huệ và Nguyễn Trãi; Cải tạo, thay thế các tuyến ống cấp nước tại thôn Phú Tân 1, xã An Cư, huyện Tuy An; Đầu tư tuyến ống truyền tải cấp nước sạch cho buôn Dành xã Eabia và xã Eatrol, huyện Sông Hinh; Mua mới xe ô tô bán tải phục vụ cho công tác quản lý điều hành sản xuất cho các Chi nhánh cấp nước trực thuộc Công ty. Cụ thể:

Vốn góp cổ đông, vốn đầu tư phát triển và vốn vay:

- Kế hoạch vốn đầu tư năm 2021: 336,065 tỷ đồng.
- Giá trị thực hiện năm 2021: 47,017 tỷ đồng, đạt 14% kế hoạch.

Trong đó:

- + Vốn góp cổ đông: 5,47/69,59 tỷ đồng, đạt 7,9% kế hoạch.
- + Vốn đầu tư phát triển: 41,547/266,475 tỷ đồng, đạt 15,6% kế hoạch.
- Giá trị giải ngân năm 2021: 37,796 tỷ đồng, đạt 11,2% kế hoạch.

Ngoài ra trong năm Công ty thực hiện các dự án cải tạo mạng lưới và sửa chữa trụ sở làm việc các Chi nhánh theo danh mục kế hoạch đã được phê duyệt với giá trị 2,807 tỷ đồng đạt 67,3% kế hoạch (Kế hoạch vốn năm 2021: 4,170 tỷ đồng).

3.2. Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã có báo cáo số 29/BC-CTN ngày 17/3/2022 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm (±%)
1	2	3	4=(3-2)/2
Tổng giá trị tài sản	535.264.596.172	518.197.400.348	-3,2
Doanh thu thuần	105.336.436.363	105.399.421.575	0,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.751.421.729	20.820.602.314	-15,9
Lợi nhuận khác	(1.546.650.537)	(181.482.745)	-88,3
Lợi nhuận trước thuế	23.204.771.192	20.639.119.569	-11,1
Lợi nhuận sau thuế	21.056.630.441	19.087.193.974	-9,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,0%	4,5%	-25,0

* **Ghi chú:** Tỷ lệ trả cổ tức năm 2021 bằng 4,5% là số dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 quyết định.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	7,69	6,96	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	7,50	6,79	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,20	0,18	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,22	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	16,01	11,37	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	16,01	11,37	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,20	0,20	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,20	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,049	0,045	VHSH bq
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,038	0,036	TTS bq

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,23	0,20	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu: 38.398.179 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:
- + Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 38.076.479 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 321.700 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ

Stt	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
1	Công ty Cổ phần nước Aqua One	Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 03/02/2015	452 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội.	22.879.025	59,58
2	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên		Số 07 Đường Độc Lập, Phường 7, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	14.740.600	38,39
3	Cổ đông còn lại			778.554	2,03
Tổng cộng				38.398.179	100

Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	210	38.398.179	100%
-	Tổ chức	2	37.619.625	97,97%
-	Cá nhân	208	778.554	2,03%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		210	38.398.179	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm 2021.

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát hành trong năm 2021.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong năm 2021 để sản xuất chủ yếu gồm các loại hóa chất dùng xử lý nước như: Clo 24,1 tấn; PAC 109,1 tấn; Xút (NaOH) 4,7 tấn.

- Nguyên vật liệu được sử dụng để đóng gói: Không.

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 4,6 triệu kw.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp.

Lượng nước sử dụng khoảng 4.394 m³/năm.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động tới thời điểm ngày 31/12/2021: 224 người.

- Mức lương *trung bình* Công ty năm 2021: 8.322.000 đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*: Trang bị đồng phục, bảo hộ lao động (5.000.000 đồng/người); mua bảo hiểm thân thể...

c) *Hoạt động đào tạo người lao động*:

Trong năm, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty cử người lao động tham gia một số buổi bồi dưỡng nghiệp vụ online, không tổ chức đào tạo hay tham gia các khoá đào tạo bên ngoài.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2021 Công ty đóng góp các quỹ xã hội, từ thiện với tổng số tiền là: 1.944,8 triệu đồng.

Trong đó:

- Tài trợ kinh phí xây dựng 31 nhà vệ sinh cho các gia đình nghèo có trẻ em dưới 16 tuổi: 450 triệu đồng;

- Miễn giảm 100% tiền nước tại các Bệnh viện điều trị bệnh nhân Covid-19 và các Khu cách ly tập trung trên địa bàn toàn tỉnh: 700 triệu đồng;

- Giảm 10% giá bán nước sinh hoạt gia để hỗ trợ người dân do ảnh hưởng của dịch Covid-19: 550 triệu đồng;

- Trao tặng hơn 2.000 bộ áo quần phòng hộ y tế cấp 2 cho các tổ chức, bệnh viện, trung tâm y tế trong toàn tỉnh: 150 triệu đồng;

- Các hỗ trợ khác (hộ gia đình khó khăn, hộ cận nghèo, quỹ vì người nghèo...): 94,8 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) *Đánh giá kết quả hoạt động*:

- Năm 2021, trong bối cảnh chịu tác động của dịch Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg, đồng thời thích ứng an toàn, linh hoạt với đại dịch Covid-19, nhìn chung kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính theo kế hoạch của Công ty cơ bản hoàn thành

- Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Công tác quản lý, cải tạo, phát triển mạng lưới và công tác giảm nước không doanh thu luôn được quan tâm đầu tư, thực hiện thường xuyên, góp phần đưa hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả.

- Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngày càng nâng cao, bám sát và đảm bảo yêu cầu công tác đề ra

- Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được đảm bảo và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong quản lý hệ thống cấp nước như Scada, sử dụng biến tần điều khiển tự động áp lực và lưu lượng trạm bơm cấp 2 theo nhu cầu dùng nước của khách hàng thay vì điều khiển bằng tay; giám sát và đo liên tục 24/24 giờ một số chỉ tiêu quan trọng bằng thiết bị đo tự động.

- Phạm vi cung cấp nước ngày càng mở rộng, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm sau cao hơn năm trước; áp lực và lưu lượng cung cấp đến khách hàng được duy trì ổn định và đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng về lắp đặt hoặc tư vấn dùng nước sau đồng hồ; bố trí trực nhật và đảm bảo tiếp nhận kịp thời mọi thông tin, phản ánh từ khách hàng. Qua đó ngày càng nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với Công ty.

- Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình cụ thể.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Tổng giá trị tài sản cuối năm 2021 là 519.443 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Quản lý nợ tại doanh nghiệp: Các khoản nợ phải thu, phải trả Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, định kỳ đối chiếu công nợ; Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 6,96

- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): 6,79

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản: 0,18

- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,22

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 6,96 lần; khả năng thanh toán nhanh là 6,79 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng phần mềm Scada để giám sát mạng đường ống tại các Nhà máy nước: Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân và Sông Hinh; Riêng Nhà máy nước Tuy Hòa đầu tư tự động hóa hoàn toàn; Sử dụng biến tần điều khiển máy bơm tại tất cả các Nhà máy nước thuộc Công ty.

- Ứng dụng nhiều tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

- Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn. Triển khai phần mềm thu tiền nước bằng điện thoại di động tại tất cả các Chi nhánh cấp nước.

- Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2022:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-CTN ngày 10/01/2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc Phê duyệt về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên cụ thể như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 14.517.000 m³;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 12.000.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 17,3%;
- Tổng doanh thu : 117.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 11.500 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 10.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 2,0%.

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2022: 294.140 triệu đồng.

Chi tiết như bản sau:

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (tr.đồng)			
				Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
1.	Dự án chuyển tiếp từ năm 2021			253.700	64.500	57.200	132.000

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (tr.đồng)			
				Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
1	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m ³ /ngày đêm lên 8.000 m ³ /ngày đêm	Thị xã Sông Cầu	2017-2022	24.500	24.500		
2	Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000 m ³ /ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000 m ³ /ngđ)	Thị xã Sông Cầu	2020-2023	70.000	40.000		30.000
3	Khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nam Phú Yên, CS 100.000 m ³ /ngày đêm, GD1: 50.000 m ³ /ngày đêm: Công tác chuẩn bị đầu tư (FS)	Khu kinh tế Nam Phú Yên	2020-2022	2.000		2.000	
4	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ sử dụng nguồn nước nhà máy nước Phú Hòa	Thị trấn Phú Hòa - huyện Phú Hòa và thị trấn Phú Thứ - huyện Tây Hòa	2020-2022	8.000		8.000	
5	Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyển tải và phân phối	Tp. Tuy hòa và khu vực lân cận	2020-2022	100.000		30.000	70.000
6	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000 m ³ /ng.đ, giai đoạn 1 (đến năm 2025): 9.000 m ³ /ng.đ	Huyện Tuy An	2020-2025	37.000		10.000	27.000

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (tr.đồng)			
				Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
7	Phân vùng giảm thất thoát	NMN Đồng Xuân	2021- 2022	500		500	
8	Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước xã Hoà Trị, huyện Phú Hoà	Xã Hoà Trị, huyện Phú Hoà					
9	Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước cấp nước xã Hoà An, huyện Phú Hoà	Xã Hoà An, huyện Phú Hoà					
10	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước một số khu vực Thị trấn Phú Hòa và một số xã lân cận.	Thôn Định Thắng 1 & 2, thôn Định Thọ 1, huyện Phú Hòa					
11	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước cho khu phố 1, phường Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa.	Khu phố 1, phường Hòa Hiệp Trung					
12	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các hộ dân thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa	Thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc					
13	Phát triển tuyến ống cấp nước thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa	Thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa					
14	Phát triển tuyến ống cấp nước khu vực Trảng Sim thuộc thôn Thành Hội, xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa					
15	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước khu phố phước Hậu 1, Phước Hậu 2	Phước Hậu 1, Phước Hậu 2.					
16	Phát triển tuyến ống cấp nước xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa					

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (tr.đồng)			
				Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
17	Mở rộng, nâng cấp công suất nhà máy nước Hai Riêng từ 3.000 m ³ /ngày đêm lên 5.000 m ³ /ngày đêm	Xã Eabia, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	2021-2023 (Giai đoạn 1)	7.000		2.000	5.000
18	Phát triển tuyến ống cấp nước cho khu phố Nam Bình 1 và Nam Bình 2, phường Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa	Khu phố Nam Bình 1 và Nam Bình 2, phường Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa	2021-2022	3.700		3.700	
19	Đầu tư tuyến ống truyền tải cấp nước cho thôn Tân Bình, xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đông Xuân	Thôn Tân Bình, xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên	2021-2022	1.000		1.000	
II	Dự án đầu tư mới năm 2022			41.140	0	27.140	14.000
1	Mở rộng, nâng cấp công suất nhà máy nước Phú Hòa từ 2.000 m ³ /ngđ lên 5.000 m ³ /ngđ	Huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	2022-2024	10.000		3.000	7.000
2	Cải tạo, nâng công suất trạm bơm cấp I Hòa Thắng	Xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	2022	10.000		3.000	7.000
3	Cải tạo, thay thế tuyến ống HDPE D280mm đoạn từ cây xăng Hoà Hiệp Trung đến cầu Bi	Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	2022	2.000		2.000	
4	Phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước cho khu vực thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa	2022	3.000		3.000	
5	Phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước cho khu vực thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	2022	5.000		5.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (tr.đồng)			
				Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
6	Sửa chữa, thay thế các tuyến ống dịch vụ cấp nước uPVC Nhà máy nước Hai Riêng	Huyện Sông Hinh	2022-2023	1.000		1.000	
7	Sửa chữa, thay thế các tuyến ống dịch vụ cấp nước uPVC Nhà máy nước Củng Sơn	Huyện Sơn Hòa	2022-2023	1.500		1.500	
8	Cải tạo, sửa chữa các cơ sở làm việc của các Nhà máy nước	Tất cả các Nhà máy	2022	1.500		1.500	
9	Mua sắm xe xúc đào và xe cẩu tải phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty	Tuy Hòa	2022	2.500		2.500	
10	Phân vùng kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước mạng lưới Tuy Hoà	Tuy Hòa	2022	300		300	
11	Sửa chữa các tuyến ống dịch vụ Nhà máy nước Tuy An.	NMN Tuy An	2022	200		200	
12	Lắp đặt ống HDPE 50/63, PTM Đường Lê Duẩn (đoạn từ Hương Giang Xanh đến cống thoát nước)	NMN Sông Cầu	2022	110		110	
13	Cải tạo lắp đặt tuyến ống HDPE D50/63 thay thế cho tuyến PVC D34; D42 (Đường Bê tông Nguyễn Hồng Sơn (vô cà phê Sơn Anh đến nhà bà Hoà)	NMN Sông Cầu	2022	90		90	
14	Sửa chữa, thay thế tuyến ống PVC D60 bên phải tuyến Quốc lộ 25 đoạn Km43+800 (UBND Xã Suối Bạc) đến Km45+200	Thị Trấn Củng Sơn, Huyện Sơn Hòa	2022	750		750	
15	Sửa chữa, thay thế tuyến ống HDPE D63 bên phải tuyến Quốc lộ 25 (Đoạn Km41+500 đến Đoạn Km42+800)	Thị Trấn Củng Sơn, Huyện Sơn Hòa	2022	450		450	
16	Sửa chữa, thay thế tuyến ống PVC D60 bên trái tuyến Quốc lộ 25 (Đoạn Km43+500 đến Đoạn	Thị Trấn Củng Sơn, Huyện Sơn Hòa	2022	90		90	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (tr.đồng)			
				Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
	Km43+750)						
17	Sửa chữa tuyến ống PVC D49 – D60 bên trái tuyến Quốc lộ 29 đoạn từ Km85+160 – Km86+00 (đổi diện café Cây Xanh)	Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh	2022	500		500	
18	Sửa chữa tuyến ống PVC D114 bên phải tuyến Quốc lộ 29 đoạn từ Km82+370 đến Km83+270 (đường Trần Hưng Đạo)	Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh	2022	500		500	
19	Thay thế tuyến ống PVC D114 bên trái tuyến Quốc lộ 29 đoạn từ Km83+290 đến Km84+000 (đường Trần Hưng Đạo)	Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh	2022	400		400	
20	Thay thế tuyến ống PVC D114 bên trái tuyến Quốc lộ 29 (Đoạn Km84+550 đến Km85+160) đường Lê Lợi	Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh	2022	350		350	
21	Thay thế tuyến ống PVC D114 bên phải tuyến Quốc lộ 29 (Đoạn Km84+200 đến Km 84+900) đường Lê Lợi	Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh	2022	400		400	
22	Thay thế tuyến ống PVC D114 bên phải tuyến Quốc lộ 29 đoạn từ Km84+900 đến Km85+800 (đường Lê Lợi)	Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh	2022	500		500	
	TỔNG CỘNG			294.840	64.500	84.340	146.000

4.3. Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung các công tác: Cấp nước an toàn tại các nhà máy; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế; tuân thủ các qui định về quản lý và bảo vệ môi trường; tăng cường công tác chống thất thoát thu và giảm tiêu hao điện năng cho các nhà máy; áp dụng thu tiền sử dụng nước tại quầy, đẩy mạnh công tác nhờ thu qua ngân hàng.

- Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, có giải pháp tuyên truyền vận động người dân tăng cường sử dụng nước tại những vị trí đã đầu tư mạng lưới cấp nước.

- Vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng với UBND thành phố Tuy Hòa; thúc đẩy thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác như: Thi công xây lắp, tư vấn thiết kế và một số ngành nghề kinh doanh có lợi thế.

b) Đầu tư phát triển:

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty gồm: Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ $5.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ lên $8.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$; đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ $900\text{m}^3/\text{ng.đ}$ lên $10.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$; Nâng công suất nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ $900\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ lên $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: $5.000\text{m}^3/\text{ngđ}$; giai đoạn đến năm 2030: $10.000\text{m}^3/\text{ngđ}$); Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất $15.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ và đầu tư hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ sử dụng nước nhà máy nước Phú Hòa.

- Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý, hiệu quả nhằm kiểm soát thất thoát nước. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

c) Quản trị doanh nghiệp:

- Nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung các quy chế quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, nội quy lao động, các quy định quản lý hoạt động trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp và phù hợp với thực tế hoạt động của Doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị và người đứng đầu các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tăng cường kiểm soát công tác tài chính và tổ chức hoạt động các đơn vị quản lý trực thuộc để từng bước thực hiện cơ chế ủy quyền và chủ động quản lý kinh doanh tại cơ sở.

- Quản lý, sắp xếp lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động, đồng thời duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Cải tiến quy chế trả lương, xét thưởng cho người quản lý và người lao động trong Công ty. Kiểm soát vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và thực hiện công bố thông tin minh bạch.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:* Không

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Tập thể người lao động toàn Công ty luôn đoàn kết, thống nhất, cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao. Đội ngũ cán bộ người lao động Công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; đội ngũ công nhân lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Tinh thần làm việc của phần lớn cán bộ, công nhân viên có sự thay đổi tích cực, phát huy được ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác trong công việc

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Đảm bảo sản xuất, cung cấp nước ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng

luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ an sinh xã hội của chính quyền địa phương.

- Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2021 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là 1.944,8 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty theo đúng định hướng, phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 10 năm, giai đoạn 2016-2025 đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Năm 2021 tình hình kinh tế xã hội và môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CB-CNV, người lao động Công ty đã cố gắng vượt qua khó khăn thử thách, nỗ lực để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông Công ty đề ra, thực hiện nghiêm quy định về phòng chống dịch của Thủ tướng và Thành phố; đảm bảo thực hiện việc cấp nước an toàn, chất lượng ổn định; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh trên địa bàn; đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, quyền lợi cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

- Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành hoàn toàn chỉ tiêu do Đại hội cổ đông giao; chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành; đề ra những biện pháp tích cực để vừa thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh vừa phòng chống dịch Covid-19.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

3.1. Sản xuất kinh doanh:

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính của năm 2022 như sau:

- Sản lượng nước sản xuất	: 14.517.000 m ³ ;
- Sản lượng nước tiêu thụ	: 12.000.000 m ³ ;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu	: 17,3%;
- Tổng doanh thu	: 117.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế	: 11.500 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí)	: 10.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức	: 2,0 %.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

3.2. Công tác đầu tư:

Tổng mức đầu tư các dự án trong danh mục đầu tư năm 2022 là 294,840 tỷ đồng, trong đó tập trung ưu tiên thực hiện các dự án trọng điểm như sau:

- Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ công suất 900m³/ngày lên 10.000m³/ngày, phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025 đạt 5.000m³/ngày; giai đoạn đến năm 2030 đạt 10.000m³/ngày với tổng số vốn đầu tư 110 tỷ đồng (trong đó, vốn huy động của cổ đông là 40 tỷ, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động khác là 70 tỷ đồng);

- Dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m³/ngày đêm lên 8.000 m³/ngày đêm với tổng vốn đầu tư 30 tỷ đồng (vốn huy động của cổ đông);

- Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyên tải và phân phối trên địa bàn Tp. Tuy Hòa và khu vực lân cận. Tổng mức đầu tư 156 tỷ đồng;

- Dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000m³/ngày, giai đoạn 01 (đến năm 2025) 9.000m³/ngày với tổng vốn đầu tư 43 tỷ đồng;

- Dự án mở rộng nâng cấp công suất nhà máy nước Hai Riêng từ 3.000 m³/ngày đêm lên 5.000 m³/ngày đêm với tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng;

- Dự án Cải tạo nâng công suất trạm bơm cấp I Hòa Thắng với tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng;

- Dự án Xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước cho thị trấn Phú Thứ và thị trấn Phú Hoà sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Tuy Hoà với tổng mức đầu tư 30 tỷ đồng;

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn toàn Tỉnh để phát triển khách hàng sử dụng nước, phủ kín mạng lưới cấp nước, tăng doanh thu và góp phần phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

3.3. Về quản lý:

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát trong thực hiện các hoạt động điều hành doanh nghiệp đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2022.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động trong mọi hoạt động sản xuất để đảm bảo hiệu quả và an toàn.

- Tăng cường công tác quản lý tại các nhà máy nước, đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy hướng tới an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

3.4. Về nhân sự - lao động:

Tăng cường thu hút, tuyển chọn và bố trí nhân sự nhằm đảm bảo đủ số lượng lao động với trình độ, kỹ năng, phẩm chất phù hợp với công việc và bố trí đúng công việc để đạt được hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường đào tạo và khai thác để nâng cao trình độ tay nghề, các kỹ năng và nhận thức mới cho người lao động; hướng đến nâng cao các giá trị của tài sản nhân lực cho Công ty nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như tăng khả năng thích ứng với môi trường đầy thay đổi.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực: Phát huy tối đa khả năng làm việc của người lao động đồng thời tạo ra sự gắn bó trung thành với Công ty; tăng cường các chính sách động viên như khen thưởng, nâng lương trước thời hạn, đề bạt ... góp phần nâng cao tinh thần và nhiệt tình cho người lao động.

- Tăng cường các dịch vụ có tính phúc lợi cho người lao động; công khai đến từng người lao động các thông tin về lao động như chính sách tiền lương, tiền công, thông tin về tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, đánh giá kết quả công việc... để người lao động biết, phấn đấu và gắn bó với lâu dài với Công ty.

V. Báo cáo tài chính:

1. Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định.

2. Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

3. Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 184/2022/BCKT-HCM.01272 ngày 25/3/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Toàn nội dung Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.

Phú Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Hoàng Long